

FlowCast R3035

*Phụ gia giảm nước cao và duy trì độ sụt,
phát triển trên gốc Polycarboxylate (PCE)*

Tài liệu kỹ thuật
Hiệu chỉnh lần 07
Ngày HC 04/2022
FlowCast R3035

MÔ TẢ SẢN PHẨM

FlowCast R3035 là phụ gia siêu dẻo thể hệ 3 gốc Polycarboxylate (PCE). **FlowCast R3035** có tính năng giảm nước mức độ cao ($\leq 40\%$), tính công tác tốt, dễ thi công và khả năng duy trì độ sụt tốt mà không ảnh hưởng đến thời gian ninh kết của bê tông.

ỨNG DỤNG

- Thích hợp cho sản xuất bê tông tại các nhà máy bê tông thương phẩm và tại công trình.
- Bê tông tươi tới mức 70 Mpa, như cột và tường, sàn bê tông...
- Bê tông bơm, bê tông khối lớn, bê tông chống thấm
- **Bê tông tự lèn, có độ chảy cao mà không bị phân tầng, tách nước.**
- Bê tông cần duy trì độ sụt lâu và vận chuyển xa.

ƯU ĐIỂM

- Giảm nước tốt và duy trì độ sụt lâu 2 đến 4 giờ tùy thuộc vào liều phụ gia sử dụng, loại xi măng và thời tiết lúc đổ, độ sụt ban đầu.
- Thúc đẩy sự phát triển cường độ sớm, cường độ sau cùng cao.
- Cải thiện khả năng kháng từ biến và co ngót.
- Không chứa clorua nên không ảnh hưởng đến các kết cấu bê tông cốt thép và bê tông dự ứng lực.
- Bê tông dẻo, dễ bơm và dễ thi công.
- Bề mặt hoàn thiện đẹp.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- **FlowCast R3035** được đóng gói dạng can 5/ 20 lít, phuy 200 lít và bồn 1000 lít.
- **FlowCast R3035** được bảo quản nơi khô ráo và tránh ánh nắng trực tiếp.

HẠN SỬ DỤNG

FlowCast R3035 có thời hạn sử dụng là 12 tháng kể từ ngày sản xuất trong can/ bồn nguyên chưa mở.

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

- Hàm lượng **FlowCast R3035** phụ thuộc vào cấp phối trộn, nhiệt độ và yêu cầu về mức độ giảm nước cũng như thời gian làm việc của bê tông.
- Định mức: 600 – 1500 ml/100kg xi măng.
- Định mức thông dụng: 1000 ml/100kg xi măng.
- **Cần phải trộn thử nghiệm trước để xác định hàm lượng tối ưu.**

THI CÔNG

FlowCast R3035 có thể được thêm vào lượng nước trộn hoặc cho trực tiếp vào hỗn hợp bê tông ướt. Không nên thêm phụ gia **FlowCast R3035** vào hỗn hợp khô. Sử dụng hệ thống định lượng riêng biệt.

THÔNG TIN KỸ THUẬT

Dạng/ Màu sắc	Lỏng/ Vàng nhạt đến Nâu đen
Tỷ trọng (kg/lít)	1.055 ± 0.02
Độ PH	4.5 ± 1.0
Hàm lượng Clorua (%)	< 0.1
Hàm lượng chất khô (%)	25 ± 5
Tiêu chuẩn áp dụng	ASTM-C494 và TCVN 8826:2011 loại G

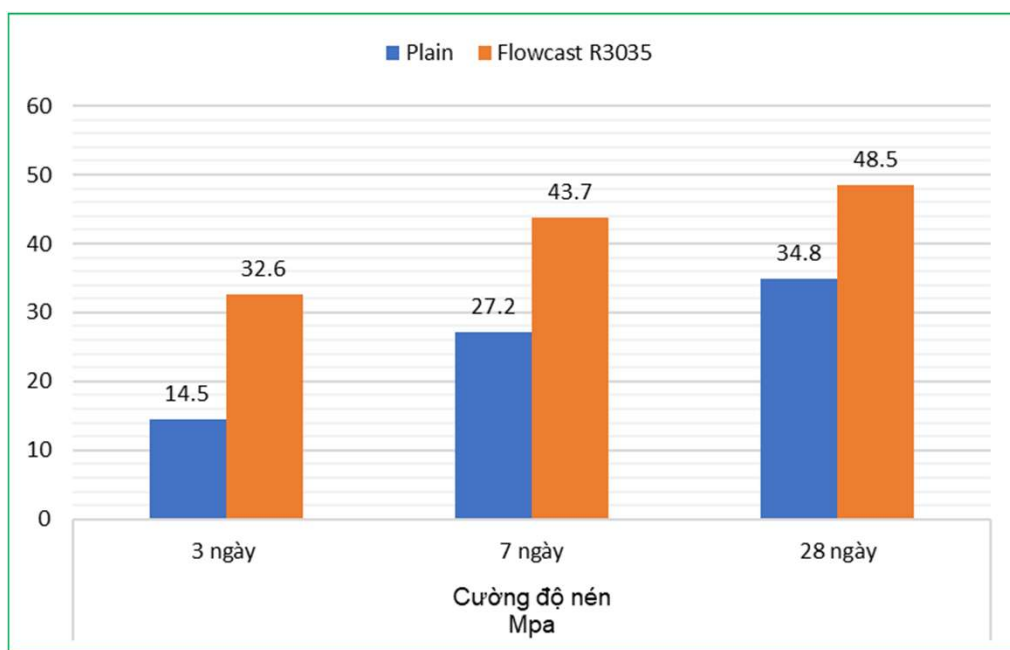
THÔNG TIN VỀ SỨC KHỎE & AN TOÀN

- Không được xả trực tiếp xuống nguồn nước, đường cống...
- Đổ bỏ chất thải: theo qui định
- Vận chuyển: không nguy hiểm
- Sức khỏe: sản phẩm mang tính kiềm nên cần các biện pháp bảo vệ tránh tiếp xúc trực tiếp với da. Nếu bị văng vào mắt, phải rửa ngay bằng nước sạch và cần đến cơ sở y tế gần nhất.

❖ **Cấp phối bê tông và kết quả thí nghiệm tại Phòng thí nghiệm Nhà máy Hi-Crete**

Ký hiệu mẫu	Xi măng kg	Nước lít	Cát kg	Đá dăm kg	Phụ gia lít	Cường độ nén Mpa		
						3 ngày	7 ngày	28 ngày
Plain	345	244	825	1045	-	14.5	27.2	34.8
FlowCast R3035	345	155	825	1045	3.45	32.6	43.7	48.5

❖ **Biểu đồ cường độ nén của bê tông.**



❖ **Ghi chú:** Kết quả thí nghiệm trên được thí nghiệm tại Phòng thí nghiệm Nhà máy Hi-Crete mang tính chất tham khảo. Do cốt liệu và xi măng tại mỗi trạm trộn khác nhau nên tính công tác và cường độ nén của bê tông cũng khác nhau. Vì vậy, cần thực hiện thí nghiệm theo điều kiện thực tế tại trạm và tiến hành điều chỉnh cấp phối bê tông cũng như hàm lượng phụ gia sao cho phù hợp nhất.

Miễn trừ: các thông tin và hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng sản phẩm Hi-Crete dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Hi-Crete về sản phẩm trong điều kiện sản phẩm bảo quản đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn. Trong thực tế, chúng tôi không đảm bảo sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường. Người sử dụng sản phẩm phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích mong muốn hay không. Hi-Crete có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm. Người sử dụng phải luôn tham khảo tài liệu kỹ thuật mới nhất của sản phẩm, chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này.